

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-PT

Ngày: 19 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng Cường.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Phi, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Minh V, Hồ Thanh T, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Ngọc H, Trương Văn P, Nguyễn Thị Cẩm N, Lê Ngọc Q, Phan Thị Thanh N1, Cao Thị Mỹ D, Phan Thị Q1, Bùi Thị D1, Trần Kim M, Phạm Kim T1, Trần Thị C1, Ngô Thị Đ. Nguyễn Văn Mười M1, Trần Thị Thu V1, Võ Thị D2, Nguyễn Thị Ngọc T2, Huỳnh Duy P1, Lưu Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Kim Y do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Minh V (tên gọi khác: L), sinh ngày 17/9/1994, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Minh P2, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1979; Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh và tại ngoại từ ngày 27/3/2020, có mặt tại phiên tòa.

2/ Hồ Thanh T, sinh năm 1985 tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Hồ Thanh T4, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H2 (đã chết); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại từ ngày 23/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Kim C, sinh năm 1969 tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1942; Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: không; Tiền sự: 01 lần tại Quyết định số 184/QĐ-XPVPHC ngày 23/5/2019 của Công an huyện C, tỉnh Long An xử phạt Nguyễn Kim C số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài ăn tiền vào ngày 05/4/2019, đã nộp phạt xong ngày 17/6/2019; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 26/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Thị Ngọc H (tên gọi khác: D3), sinh ngày 10/3/1978, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn P3 (đã chết) và bà Lâm Thị Đ1, sinh năm 1953; Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: không; Tiền sự: 02 lần, cụ thể: Lần 1 tại Quyết định số 198/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 của Công an huyện C, tỉnh Long An xử phạt Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài ăn tiền vào ngày 01/5/2018; Lần 02 tại Quyết định số 297/QĐ-XPVPHC ngày 27/11/2019 của Công an huyện C, tỉnh Long An xử phạt Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài ăn tiền vào ngày 05/4/2019, đã nộp phạt xong ngày 23/12/2019. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/9/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 14/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

5/ Trương Văn P, sinh năm 1982, tại tỉnh Long An; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trương Văn D4, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N2 (đã chết); Có vợ và 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 07/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

6/ Lưu Thị Ngọc H1 (tên gọi khác: Gái), sinh ngày 25/02/1993, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Lưu Văn Đ2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970; Có chồng và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7/ Nguyễn Thị Cẩm N (tên gọi khác: Bảy L1), sinh ngày 04/4/1993, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị D5, sinh năm 1957; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo chấp hành án phạt tù từ ngày 04/11/2020, được trả tự do ngày 27/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

8/ Lê Ngọc Q, sinh ngày 20/10/1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Lê Văn H4 (đã chết) và bà Trương Thị D6, sinh năm 1964; Có chồng và 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9/ Phan Thị Thanh N1, sinh ngày 02/12/2000, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Phan Văn T5, sinh năm 1979 và bà Trần Kim M, sinh năm 1979; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/9/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 14/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

10/ Cao Thị Mỹ D7, sinh ngày 15/3/1997, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Cao Kỳ B1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1968; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11/ Phan Thị Q1, sinh năm 1983, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Phan Văn P4 (đã chết) và bà Lê Thị S, sinh năm 1950; Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: 01 lần (đã xóa tích) tại Bản án số 35/2015/HSST ngày 20/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xử phạt bị cáo Phan Thị Q1 09 tháng cải tạo không giam giữ, chấp hành xong ngày 29/9/2016. Tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12/ Bùi Thị D1, sinh năm 1983, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Bùi Văn N3, sinh năm 1943 và bà Huỳnh Thị T6 (đã chết); Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 26/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

13/ Trần Kim M (tên gọi khác: N4), sinh năm 1979, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trần Ngọc H5 (đã chết) và bà Huỳnh Thị N5, sinh năm 1957; Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

14/ Phạm Kim T1 (tên gọi khác: T7), sinh năm 1988, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: đi biển; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị H6, sinh năm 1961; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

15/ Trần Thị C1, sinh năm 1974, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Trần Văn X, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1951; Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án: không; Tiền sự: 01 lần tại Quyết định số 179/QĐ-XPVPHC ngày 23/5/2019 của Công an huyện C, tỉnh Long An xử phạt Trần Thị C1 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài ăn tiền vào ngày 05/4/2019, đã nộp phạt xong ngày 17/6/2019. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 30/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

16/ Ngô Thị Đ, sinh năm 1973, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Ngô Văn B2 (đã chết) và bà Phạm Thị M3 (đã chết); Có chồng và 03 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 26/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

17/ Nguyễn Thị Kim Y (tên gọi khác: Út B3), sinh ngày 13/4/1995, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Tấn Đ3 (đã chết) và bà Trần Thị L3, sinh năm 1960; Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

18/ Nguyễn Văn Mười M1 (tên gọi khác: Út M4), sinh năm 1979, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn C2 (đã chết) và bà Lê Thị R1, sinh năm 1936; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ

ngày 22/01/2020, chuyển sang tạm giam ngày 25/01/2020, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại từ ngày 24/7/2021, có mặt tại phiên tòa.

19/ Trần Thị Thu V1 (tên gọi khác: T8), sinh năm 1971, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn T9 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ4 (đã chết); Có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

20/ Võ Thị D2, sinh ngày 16/01/1973, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Văn T10 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1935; Có chồng và 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 26/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

21/ Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1981, tại tỉnh Long An; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn P3 (đã chết) và bà Lâm Thị Đ1, sinh năm 1953; Có chồng và 01 con; Tiền án: không; Tiền sự: 01 lần tại Quyết định số 178/QĐ-XPVPHC ngày 23/5/2019 của Công an huyện C, tỉnh Long An xử phạt Nguyễn Thị Ngọc T2 số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài ăn tiền vào ngày 05/4/2019, đã nộp phạt xong ngày 27/5/2019. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/7/2019, chuyển sang tạm giam ngày 12/7/2019, được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và tại ngoại từ ngày 30/9/2019, có mặt tại phiên tòa.

22/ Huỳnh Duy P1, sinh ngày 15/4/1984, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Huỳnh Chí T11, sinh năm 1960 và bà Trần Thị X1, sinh năm 1961; Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Duy P1: Ông Trần Ngọc Q2- Văn Phòng luật sư Trần Ngọc Q2 - Luật sư Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 23 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 30 phút, ngày 02/7/2019, Đ5 - Công an thị xã G phối hợp với Công an xã B, thị xã G bắt quả tang tụ điểm đánh bài ăn tiền (loại bài tây 52 lá) do Nguyễn Minh V đứng ra tổ chức tại nhà của bị cáo Hồ Thanh T tại ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và đã bắt giữ 24 đối tượng bao gồm: các bị cáo Nguyễn Minh V, Hồ Thanh T, Trần Thị C1, Nguyễn Thị Ngọc T2, Nguyễn Kim C, Võ Thị D2, Ngô Thị Đ, Bùi Thị D1, Lê Ngọc Q, Nguyễn Thị Cẩm N, Lưu Thị Ngọc H1, Trần Thị Thu V1, Phạm Kim T1, Trần Kim M, Nguyễn Thị Kim Y, Huỳnh Duy P1, Cao Thị Mỹ D7, Phan Thị Q1, Nguyễn Văn Mười M1, Nguyễn Thị Ngọc H, Phan Thị Thanh N1 và chị Nguyễn Thị Hồng C3, chị Nguyễn Thị Trúc N6, anh Phạm Văn T12.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Vào ngày 02/7/2019, bị cáo Nguyễn Minh V sử dụng nhà của bị cáo Hồ Thanh T, đứng ra tổ chức cho 20 bị cáo đánh bài ăn thua bằng tiền (loại bài cào ba lá) để thu tiền xâu từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng mỗi ván. Bị cáo T cho mượn nhà để đánh bạc với số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng một ngày. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cụ thể như sau:

+ Bị cáo C1: sử dụng 1.800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 300.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng.

+ Bị cáo T2: sử dụng 480.000 đồng để đánh bạc và thua hết.

+ Bị cáo C: sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 1.200.000 đồng, còn lại 3.800.000 đồng.

+ Bị cáo D2: sử dụng 670.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 300.000 đồng, còn lại 370.000 đồng.

+ Bị cáo Đ: sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn lại 1.500.000 đồng do huề vốn.

+ Bị cáo D1: sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 1.200.000 đồng, còn lại 800.000 đồng.

+ Bị cáo Q: sử dụng 6.300.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 1.300.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng.

+ Bị cáo N: sử dụng 8.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 400.000 đồng, còn lại 7.600.000 đồng.

+ Bị cáo H1: sử dụng 9.700.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thì huề vốn nhưng bỏ chạy vứt bỏ mất số tiền 9.700.000 đồng ở gần hiện trường.

+ Bị cáo V1: sử dụng 800.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 300.000 đồng, còn lại 500.000 đồng.

+ Bị cáo M: sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 800.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng.

+ Bị cáo T12: sử dụng 1.900.000 đồng để đánh bạc, đã thua 1.190.000 đồng, còn lại 710.000 đồng.

+ Bị cáo Y: sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, đã thua hết.

+ Bị cáo Huỳnh Duy P1: sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, đã thua hết.

+ Bị cáo D7: sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thì huê vốn nhưng bỏ chạy vớt bỏ mất số tiền 3.000.000 đồng ở ngoài ruộng.

+ Bị cáo Q1 dùng 2.500.000 đồng góp chung với số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo M1 để ngồi chung một tụ, đã thua hết 2.500.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng thì bị bắt bỏ chạy bị cáo M1 vớt bỏ mất số tiền này.

+ Bị cáo Trương Văn P: sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua 2.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng.

+ Bị cáo H: sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thì huê vốn, còn lại 1.500.000 đồng.

+ Bị cáo N6 ngồi tụ chơi dùm và dùng tiền của bị cáo Q đưa đến lúc bị bắt quả tang.

- Tiền phát hiện thu giữ gần khu vực đánh bài 6.300.000 đồng, không xác định được chủ sở hữu.

Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 60.550.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm: Tiền Việt Nam: 7.300.000 đồng; 39 bộ bài tây loại 52 lá (đã qua sử dụng); 01 chiếc chiếu; 22 xe mô tô các loại. Phát hiện trên người và phương tiện của các đối tượng: Tiền Việt Nam 210.534.000 đồng và 22 điện thoại di động các loại.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSTXGC ngày 02/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Minh V về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Hồ Thanh T về tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Ngọc H, Trương Văn P, Lưu Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Cẩm N, Lê Ngọc Q, Phan Thị Thanh N1, Cao Thị Mỹ D7, Phan Thị Q1, Bùi Thị D1, Trần Kim M, Phạm Kim T1, Trần Thị C1, Ngô Thị Đ, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Văn Mười M1, Trần Thị Thu V1, Võ Thị D2, Nguyễn Thị Ngọc T2, Huỳnh Duy P1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Minh V phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Gá bạc”.

- Các bị cáo Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Ngọc H, Trương Văn P, Lưu Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Cẩm N, Lê Ngọc Q, Phan Thị Thanh N1, Cao Thị Mỹ

D7, Phan Thị Q1, Bùi Thị D1, Trần Kim M, Phạm Kim T1, Trần Thị C1, Ngô Thị Đ, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Văn Mười M1, Trần Thị Thu V1, Võ Thị D2, Nguyễn Thị Ngọc T2 và Huỳnh Duy P1 phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 27/03/2020.

- Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

2/ Xử phạt bị cáo Hồ Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 23/01/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

3/ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Kim C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 26/9/2019.

4/ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian chấp hành án phạt tù từ ngày 04/11/2020 đến ngày 27/5/2021.

5/ Xử phạt các bị cáo Trương Văn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 06/9/2019 đến ngày 07/10/2019.

6/ Xử phạt các bị cáo Trần Thị C1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 30/9/2019.

7/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M5 Một từ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 22/01/2020 đến ngày 24/7/2021.

8/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 10/9/2019 đến ngày 14/10/2019.

9/ Xử phạt bị cáo Huỳnh Duy P1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

10/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 30/9/2019.

11/ Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

12/ Xử phạt bị cáo Phan Thị Thanh N1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 10/9/2019 đến ngày 14/10/2019.

13/ Xử phạt bị cáo Cao Thị Mỹ D7 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

14/ Xử phạt bị cáo Bùi Thị D1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 26/9/2019.

15/ Xử phạt bị cáo Trần Kim M 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

16/ Xử phạt bị cáo Phạm Kim T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

17/ Xử phạt bị cáo Ngô Thị Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 26/9/2019.

18/ Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu V1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

19/ Xử phạt bị cáo Võ Thị D2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2019 đến ngày 26/9/2019.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

20/ Xử phạt bị cáo Phan Thị Q1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

21/ Xử phạt bị cáo Lưu Thị Ngọc H1 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lưu Thị Ngọc H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày

15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

22/ Xử phạt các bị cáo, Nguyễn Thị Kim Y 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim Y cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Kim Y và bị cáo Lưu Thị Ngọc H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị Kim Y và bị cáo Lưu Thị Ngọc H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Vào các ngày 30/12/2022 và ngày 03, 04, 09, 10/01/2023, các bị cáo Cao Thị Mỹ D, Lê Ngọc Q, Trần Thị Thu V1, Trần Kim M, Phan Thị Thanh N1, Trương Văn P, Võ Thị D2, Phan Thị Q1, Ngô Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

* Vào các ngày 30/12/2022 và ngày 04, 09/01/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Thị Ngọc H, Trần Thị C1, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Ngọc T2, Nguyễn Văn M5 Một, Phạm Kim T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 04 và 05 tháng 01 năm 2023, các bị cáo Bùi Thị D1, Huỳnh Duy P1, Nguyễn Minh V, Hồ Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Ngày 13 tháng 01 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSTXGC đối với bản án sơ thẩm số 56/2022/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Ngọc H, Trương Văn P, Nguyễn Thị Cẩm N, Lê Ngọc Q, Phan Thị Thanh N1, Cao Thị Mỹ D, Phan Thị Q1, Bùi Thị D1, Trần Kim M, Phạm Kim T1, Trần Thị C1, Ngô Thị Đ, Nguyễn Văn Mười M1, Trần Thị Thu V1, Võ Thị D2, Nguyễn Thị Ngọc T2, Huỳnh Duy P1, Lưu Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Kim Y và giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công và đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong hạn nên hợp lện cần được xem xét. Đây là vụ án Tổ chức đánh bạc, gá bạc và đánh bạc với tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 60.550.000đ nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền của từng bị cáo ở từng thời điểm tham gia đánh bạc, bởi vì các bị cáo tham gia đánh bạc ở từng thời điểm khác nhau, trong đó có bị cáo chỉ tham gia số tiền ít và thời gian ngắn như bị cáo Huỳnh Duy P1, nhưng cấp sơ thẩm quy kết 20 bị cáo về tội đánh bạc chịu trách nhiệm hình sự chung số tiền 60.550.000đ là bất lợi và chưa chính xác, việc này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công để điều tra xét xử lại. Do huỷ án nên Kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của các bị cáo chưa đặt ra xem xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Duy P1 tranh luận:* Luật sư đưa ra ba vấn đề:

- Án sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của từng bị cáo trong vụ án không chính xác, không tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

- Trong vụ án này lẽ ra phải cá thể hoá hình phạt của từng bị cáo như trường hợp của Huỳnh Duy P1 chỉ bỏ ra số tiền 400.000đ để tham gia nhưng cấp sơ thẩm xử phạt mức án 3 năm tù bằng với các bị cáo khác là không phù hợp.

- Theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao quy định rất rõ nhưng cấp sơ thẩm vận dụng sai về nội dung dẫn đến xét xử không chính xác.

Từ đó kính mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét thấu đáo vì bị cáo Huỳnh Duy P1 mới phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Tất cả các bị cáo kính xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo, chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo hoặc sang hình phạt tiền để có điều kiện cải tạo lo cho gia đình. Riêng bị cáo Nguyễn Văn M5 Một xin xét xử bằng với mức án mà bị cáo đã bị tạm giam trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, không kêu oan chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho được hưởng án treo. Xét thấy, vào ngày 02/7/2019, Nguyễn Minh V sử dụng nhà của bị cáo Hồ Thanh T để đứng ra tổ chức cho 20 bị cáo đánh bài ăn thua bằng tiền để thu tiền xâu từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng mỗi ván. Bị cáo T

cho mượn nhà để đánh bạc với số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng một ngày. Tổng số tiền các bị cáo khai nhận dùng để đánh bạc trong ngày bị bắt quả tang là 60.550.000đ. Cho nên cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh V phạm tội “Tổ chức đánh bạc” Bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Gá bạc”; Các bị cáo Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Ngọc H, Trương Văn P, Lưu Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Cẩm N, Lê Ngọc Q, Phan Thị Thanh N1, Cao Thị Mỹ D7, Phan Thị Q1, Bùi Thị D1, Trần Kim M, Phạm Kim T1, Trần Thị C1, Ngô Thị Đ, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Văn Mười M1, Trần Thị Thu V1, Võ Thị D2, Nguyễn Thị Ngọc T2 và Huỳnh Duy P1 phạm tội “Đánh bạc” là có cơ sở.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm qua phân tranh tụng xét hỏi đã xác định trong vụ án này có 20 bị cáo tham gia đánh bạc nhưng cách thức tham gia, số tiền bỏ ra và thời gian tham gia khác nhau. Trong đó chỉ có 03 bị cáo gồm: Lưu Thị Ngọc H1, Phan Thị Q1 và Nguyễn Văn M5 Một tham gia xuyên suốt từ đầu đến khi bị bắt quả tang, các bị cáo còn lại thời gian tham gia khác nhau, có bị cáo tham gia từ 01 đến 2 giờ, có bị cáo tham gia 02 đến 03 ván thì nghỉ (Nguyễn Thị Ngọc H, Võ Thị D2), bị cáo Phan Thị Thanh N1 ngồi tụ chơi dùm bị cáo Q từ 03 đến 04 ván thì hết tiền, bị cáo Huỳnh Duy P1 tham gia khoảng 15 phút thì nghỉ ra về, nhưng án sơ thẩm quy kết 20 bị cáo phạm tội đánh bạc cùng chịu trách nhiệm chung với tổng số tiền 60.550.000đ là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ:

1. Cấp sơ thẩm chưa chứng minh và làm rõ thời gian tham gia đánh bạc, cách thức chơi (Làm cái, ngồi tụ, ké), tổng số tiền đánh bạc của từng giai đoạn, của mỗi bị cáo đã tham gia để quy trách nhiệm cho từng bị cáo.

2. Chưa đối chất làm rõ từng giai đoạn đánh bạc của mỗi bị cáo xem thời gian tham gia ai là người làm cái? Ai ngồi tụ? Ai ké? Mỗi ván bao nhiêu tiền? Bao nhiêu ván? Từ đó mới xác định tổng số tiền của mỗi bị cáo đã trực tiếp tham gia là bao nhiêu để làm căn cứ định khung hình phạt cho mỗi bị cáo.

3. Chưa làm rõ tại thời điểm bị cáo Phan Thị Thanh N1 vào ngồi tụ chơi dùm bị cáo Q thì số tiền là bao nhiêu? Tham gia bao lâu? Tổng số tiền trong thời gian bị cáo N1 chơi dùm cùng các con bạc khác là bao nhiêu để làm cơ sở định khung hình phạt.

4. Trường hợp của bị cáo Huỳnh Duy P1 tương tự như bị cáo N1 cấp sơ thẩm chưa đối chất, chứng minh làm rõ.

5. Ngoài ra cấp sơ thẩm xét xử khi lượng hình chưa xem xét, đánh giá toàn diện từ đó cá thể hoá hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Vì cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ các các vấn đề trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo xét xử đúng người, tránh oan sai nghĩ cần huỷ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Do huỷ án sơ thẩm nên Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công và kháng cáo của các bị cáo cũng như ý kiến phát biểu của luật sư chưa xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang để điều tra lại.

2. Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Văn Hùng Cường

